TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2019
V/v tranh chấp:
"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:312/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 09 năm 2019, về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Mưu Thị Q, sinh năm 1983
HKTT: xóm S, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên
Bị đơn: anh Lưu Văn T, sinh năm 1983
HKTT : xóm Đ, xã T, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên
Hiện anh Lưu Văn T đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2 Trại giam Thanh Cẩm, cục C10, Bộ Công an.
(có mặt chị Q, vắng mặt anh T - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Mưu Thị Q trình bầy: chị và anh Lưu Văn T chung sống từ năm 2001, tự nguyện, có được cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, lý do thời điểm anh chị chung sống anh T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Sau này, trong quá trình chung sống anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh T khoảng 1 năm thì cùng nhau vào miền nam làm ăn đến năm 2007 lại quay về quê. Trong thời gian chung

sống ở miền nam anh chị chung sống với nhau bình thường nhưng anh T đã nghiện ma túy, tuy nhiên anh T không thừa nhận anh nghiện ma túy.

Tháng 9/2008 chị đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan, anh T bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị xử 8 năm tù. Trong thời gian anh T bị đi cải tạo chị thường xuyên gửi tiền chu cấp cho anh T ở trong tù và gửi tiền cho ông bà nội nuôi con.

Năm 2015 anh T ra tù và về ở cùng bố mẹ, năm 2016 chị đi lao động về, chị có về nhà bố mẹ anh T nhưng vợ chồng không chung sống do anh T nghiện thường đi lang thang. Năm 2017 anh T lại bị bắt về tội Mua bán ma túy và bị xử 8,5 năm tù.

Hiện nay anh T đang thi hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Q xác định thực tế chị và anh T chung sống thời gian không dài, vợ chồng chung sống bình thường. Do anh T nghiện nên không khuyên bảo được nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng thực sự ly thân từ năm 2008 cho đến nay.

Do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Lưu Văn Đ, sinh ngày 22/11/2006. Khi vợ chồng ly thân bố mẹ anh T giữ con chung lại và chăm sóc cho đến nay, nhưng chị vẫn chu cấp tiền để ông bà nuôi cháu. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có

Tài sản riêng: không có

Nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai bị đơn anh Lưu Văn T trình bày: anh và chị Mưu Thị Q kết hôn năm 2001, không đăng ký kết hôn, nhưng chung sống hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, từ năm 2008 đến năm 2016 chị Q bỏ đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng ly thân từ năm 2008 đến năm 2016, do xa cách nên vợ chồng không còn tình cảm được như trước. Nay chị Q làm đơn ly hôn anh không có ý kiến gì, đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Lưu Văn Đ, sinh ngày 22/11/2006, hiện nay con chung đang ở cùng bố mẹ anh tại xóm Đ, xã T, thị xã Phổ Yên. Anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung vì từ năm 2008 đến nay chị Q bỏ đi không nuôi con, không cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: không có

Tài sản riêng: không có

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 14, 15, 51, 56, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mưu Thị Q và anh Lưu Văn T.

- Về con chung: giao con chung Lưu Văn Đ, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị Q có yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: đều không có.

- Về án phí: áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Mưu Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Mưu Thị Q có hộ khẩu thường trú tại xóm S, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên; anh Lưu Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã T, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Anh T đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2 Trại giam Thanh Cẩm, cục C10, Bộ Công an. Chị Q có đơn ly

hôn, căn cứ điều 28, điều 35, điều 39 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh chị là đúng thẩm quyền.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Mưu Thị Q và anh Lưu Văn T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2001, được 2 bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Việc chung sống giữa chị Q và anh T không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh T. Căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mưu Thị Q và anh Lưu Văn T.

3.2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lưu Văn Đ, sinh ngày 22/11/2006. Hiện nay con chung đang do bố mẹ anh T nuôi dưỡng. Chị Q, anh T đều yêu cầu được nuôi con, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nguyện vọng của con chung: cháu Lưu Văn Đ có bản tự khai đề nghị được tiếp tục ở với ông bà nội do cháu đã sống cùng ông bà từ nhỏ đến lớn, đề nghị mẹ (chị Quý) chu cấp nuôi con cho đến năm cháu 18 tuổi. Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2019 đối với ông Lưu Quang V, là bố đẻ anh T, ông V xác định hiện nay ông bà đã già, không còn khả năng nuôi cháu. Xét thấy anh T hiện đang phải chấp hành hình phạt tù, thời gian chấp hành án còn dài, do vậy cần thiết giao con chung của anh chị cho chị Q nuôi dưỡng, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cần tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

[2.3]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung: không có.

[3]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mưu Thị Q và anh Lưu Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mưu Thị Q và anh Lưu Văn T.

2, Về con chung: giao con chung Lưu Văn Đ, sinh ngày 22/11/2006 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị Q không có yêu cầu.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3, Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: đều không có

4. Về án phí: Chị Mưu Thị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009954 ngày 17/09/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Q, vắng mặt anh T. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niên yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã P;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN Mạc Thị Hồng